TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị M và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 629/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 về: ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng M, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh

- *Bị đơn*: Anh Võ Ngọc Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 8, ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh

Chị M, anh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Hồng M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hợp tính tình, thường gây gỗ, cải nhau nên ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: có 04 con chung:

1. Võ Hồng P, sinh ngày 06/12/1999
2. Võ Hồng P1, sinh ngày 03/11/2001
3. Võ Hồng P2, sinh ngày 29/3/2009
4. Võ Yến V, sinh ngày 21/12/2015

Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Riêng con chung tên P đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nơ chung: Chị xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh số tiền gốc 40.000.000 đồng, đã trả được 20.000.000 đồng. Đến ngày 11/10/2018 chỉ còn nợ số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Ngân hàng không yêu cầu giải quyết khoản nợ của vợ chồng nên chị cũng không yêu cầu Tòa án xác định nghĩa vụ trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2018 anh Võ Ngọc Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ thống nhất thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị M trình bày. Vợ chồng đã hết duyên, hết nợ nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 04 con chung:

1. Võ Hồng P, sinh ngày 06/12/1999

2. Võ Hồng P1, sinh ngày 03/11/2001

3. Võ Hồng P2, sinh ngày 29/3/2009

4. Võ Yến V, sinh ngày 21/12/2015

Con chung anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh số tiền gốc 40.000.000 đồng. Gia đình có sắp xếp việc trả nợ nên anh không có yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M đối với anh Đ; giao con chung tên Võ Hồng P1, Võ Hồng P2, Võ Yến V cho chị M trông nom, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định Ngân hàng và các đương sự không yêu cầu nên đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng M vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hồng M và anh Võ Ngọc Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh Đ.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của chị M Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về hôn nhân: chị M và anh Đ tự nguyên chung sống năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào năm 2002 nên hôn nhân giữa chị M và anh Đ là hợp pháp. Chị M cho rằng vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hợp tính tình, thường gây gỗ, cải nhau nên ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh Đ không đến Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2018 anh thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị M và có đơn yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt anh. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[4] Về con chung: Võ Hồng P1, sinh ngày 03/11/2001; Võ Hồng P2, sinh ngày 29/3/2009 có nguyện vọng được sống với mẹ. Cháu Võ Yến V, sinh ngày 21/12/2015 dưới 03 tuổi, cần mẹ chăm sóc nên xét thấy cần giao cháu P1, P2, V cho chị M trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Riêng con chung tên Võ Hồng P, sinh ngày 06/12/1999 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết trách nhiệm nuôi con và cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Chị M, anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Nợ chung: có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh số tiền gốc 20.000.000

đồng. Ngày 12/10/2018 Ngân hàng có văn bản thể hiện ý kiến không yêu cầu giải quyết khoản nợ của vợ chồng. Anh chị cũng không yêu cầu Tòa án xác định nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Trần Thị Hồng M đối với anh Võ Ngọc Đ.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng M và anh Võ Ngọc Đ.

Về nuôi con chung: Giao 03 con chung: Võ Hồng P1, sinh ngày 03/11/2001; Võ Hồng P2, sinh ngày 29/3/2009; Võ Yến V, sinh ngày 21/12/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Riêng con chung tên Võ Hồng P, sinh ngày 06/12/1999 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết trách nhiệm nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị M, anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Nợ chung: ghi nhận có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh số tiền gốc 20.000.000

đồng. Ngân hàng không yêu cầu giải quyết khoản nợ của vợ chồng. Anh chị cũng không yêu cầu Tòa án xác định nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018894 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Đương sự;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thanh Bình